

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2120/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Điều chỉnh Mục 06 Phụ lục 02 Quyết định số 531/QĐ-UBND
ngày 27/02/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc Quy định cụ thể hóa
Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và mức đạt chuẩn nông thôn mới của
các xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2017-2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 27/02/2017 của UBND tỉnh về việc Quy định cụ thể hóa Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và mức đạt chuẩn nông thôn mới của các xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-BTTTT ngày 28/3/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành quy định chi tiết thực hiện tiêu chí Thông tin và Truyền thông trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1760/SNN-VPĐP ngày 19/7/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Mục 06 Phụ lục 02 Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 27/02/2017 của UBND tỉnh về việc Quy định cụ thể hóa Bộ tiêu chí quốc gia về



xã nông thôn mới và mức đạt chuẩn nông thôn mới của các xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2017-2020 như phụ lục đính kèm.

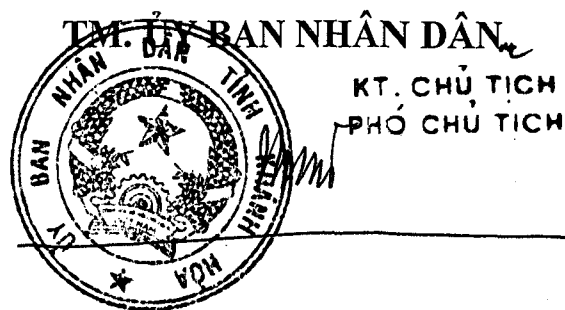
Điều 2. Các Điều, Mục còn lại của Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 27/02/2017 vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BCD TW và VPDP TW CT XD NTM;
- TU, HĐND và các ban HĐND tỉnh (b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, HB, Tle.

NTM-7.20



Đào Công Thiên

Phụ lục 2

Hướng dẫn thực hiện Nội dung Quy định cụ thể hóa Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và mức đạt chuẩn nông thôn mới áp dụng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2017-2020

(Kèm theo Quyết định số 2120/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 của UBND tỉnh)

Mục 6

TIÊU CHÍ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

1. Xã có điểm phục vụ bưu chính

a. Điểm phục vụ bưu chính là điểm giao dịch của các doanh nghiệp bưu chính để chấp nhận, phát thư, gói, kiện hàng hóa.

b. Điều kiện đạt đối với xã có điểm phục vụ bưu chính

Xã có điểm phục vụ bưu chính là xã có ít nhất 01(một) điểm phục vụ bưu chính để đáp ứng được các điều kiện sau:

b1. Về cơ sở vật chất

- Có mặt bằng, trang thiết bị phù hợp với hình thức tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính tại địa phương.

- Có treo biển tên điểm phục vụ.

- Niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ.

- Thời gian mở cửa phục vụ phải đảm bảo tối thiểu 4 giờ/ngày làm việc

b2. Về dịch vụ

- Dịch vụ thư có địa chỉ nhận, có khối lượng đơn chiếc đến 02kg.

- Dịch vụ gói, kiện hàng hóa: có khối lượng đơn chiếc đến 05 kg.

b3. Về chất lượng dịch vụ cung ứng tại điểm phục vụ bưu chính

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí; Mã số QCVN 01:2015/BTTTT, ban

hành kèm theo Thông tư số 17/2015/TT-BTTTT ngày 30/6/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet

a. Dịch vụ viễn thông là dịch vụ gửi, truyền, nhận và xử lý thông tin giữa hai hoặc một nhóm người sử dụng dịch vụ viễn thông, bao gồm dịch vụ cơ bản và dịch vụ giá trị gia tăng.

Điểm phục vụ dịch vụ viễn thông, Internet công cộng là điểm do doanh nghiệp viễn thông trực tiếp quản lý, khai thác để cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet cho người sử dụng dịch vụ (bao gồm cả các đại lý dịch vụ viễn thông, Internet của doanh nghiệp viễn thông).

b. Điều kiện đạt đối với xã có dịch vụ viễn thông, Internet

Xã có dịch vụ viễn thông, Internet là xã đáp ứng được các điều kiện sau:

b1. Tất cả các thôn trên địa bàn xã có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng ít nhất một trong hai loại dịch vụ điện thoại: trên mạng viễn thông cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất và ít nhất một trong hai loại dịch vụ truy nhập internet: băng rộng cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất.

b2. Trường hợp chưa đáp ứng điều kiện trên thì trên địa bàn xã phải có ít nhất 01 điểm phục vụ dịch vụ viễn thông công cộng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ điện thoại và dịch vụ truy nhập Internet.

Riêng các xã đảo: Những đảo có người sinh sống cần có ít nhất một thuê bao của cá nhân, hộ gia đình sử dụng dịch vụ viễn thông, Internet.

b3. Dịch vụ viễn thông, Internet trên địa bàn xã phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất, Mã số QCVN 35:2011/BTTTT.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông di động mặt đất, Mã số QCVN 36:2015/BTTTT.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ truy nhập internet băng rộng cố định mặt đất, Mã số QCVN 34:2014/BTTTT.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ truy nhập internet trên mạng viễn thông di động mặt đất IMT-2000, Mã số QCVN 81:2014/BTTTT.

3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn

a. Đài truyền thanh xã là đài truyền thanh do UBND cấp xã trực tiếp quản lý nhân sự, máy móc thiết bị, kinh phí và hoạt động theo quy định của pháp luật. Đài truyền thanh xã phân thành hai loại theo phương thức truyền dẫn tín hiệu âm thanh: hữu tuyến (qua dây dẫn) và vô tuyến (qua tần số vô tuyến điện).

b. Điều kiện đạt đối với xã đài truyền thanh và hệ thống loa đến thôn

b1. Có đài truyền thanh hữu tuyến hoặc vô tuyến được thiết lập đáp ứng các quy định về thiết bị truyền thanh, phát xạ vô tuyến điện, tương thích điện từ và sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền ban hành:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phổ tần, tương thích điện từ đối với thiết bị phát thanh quảng bá sử dụng kỹ thuật điều tần (FM) hoạt động băng tần 68MHz-108MHz, Mã số QCVN 30:2011/BTTTT và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phổ tần, tương thích điện từ đối với thiết bị truyền thanh không dây sử dụng kỹ thuật điều tần (FM) hoạt động băng tần từ 54MHz - 68MHz, Mã số QCVN 70:2013/BTTTT.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tương thích điện từ đối với thiết bị thông tin vô tuyến điện, Mã số QCVN 18:2014/BTTTT.

- Quyết định số 22/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 16/02/2009 phê duyệt Quy hoạch truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình đến năm 2020

- Quyết định số 71/2013/QĐ-TTg ngày 21/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia và Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia.

- Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT ngày 31/10/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông

- Thông tư số 04/2013/TT-BTTTT ngày 23/01/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy hoạch sử dụng kênh tần số phát thanh FM đến năm 2020.

- Thông tư 05/2014/TT-BTTTT ngày 19/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Thông tư 05/2015/TT-BTTTT ngày 23/5/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn, thiết bị vô tuyến điện; sử dụng tần số vô tuyến điện.

- Đối với thiết bị đài truyền thanh hữu tuyến đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật được quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và đáp ứng các yêu cầu quản lý đối với sản phẩm hàng hóa phục vụ công tác truyền thông.

b2. Ít nhất 2/3 số thôn trong xã có hệ thống loa hoạt động.

4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành

a. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành là việc sử dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động quản lý điều hành nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả trong hoạt động; hỗ trợ đẩy mạnh cải cách hành chính và bảo đảm công khai, minh bạch hoạt động chính quyền xã.

b. Điều kiện đạt đối với nội dung xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành là xã đáp ứng được các điều kiện sau:

b1. Về cơ sở vật chất:

Xã có máy vi tính phục vụ công tác của cán bộ, công chức, với hệ số máy tính/số cán bộ, công chức của xã đạt tối thiểu là 0,3.

Cơ quan Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã có máy vi tính kết nối mạng Internet băng rộng.

b2. Về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành

Xã có ứng dụng trong các phần mềm sau:

- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.
- Hệ thống thư điện tử chính thức của cơ quan nhà nước.
- Hệ thống một cửa điện tử.
- Cổng/trang thông tin điện tử (có chức năng phục vụ công tác quản lý, điều hành hoặc cung cấp dịch vụ công trực tuyến tối thiểu mức độ 2 của xã)./.

